PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghị quyết số: 973/2015/UBTVQH13

NGHỊ QUYẾT
VỀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BẢNG PHỤ CẤP CHỨC VỤ ĐỐI VỚI CÁN BỘ LÃNH ĐẠO CỦA NHÀ NƯỚC VÀ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI HOẠT ĐỘNG CHUYÊN TRÁCH, BẢNG LƯƠNG CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ NGÀNH TÒA ÁN, NGÀNH KIỂM SÁT BAN HÀNH KÈM THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 730/2004/NQ-UBTVQH11 NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2004 CỦA ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI; SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NGHỊ QUYẾT SỐ 522b/NQ-UBTVQH13 NGÀY 16 THÁNG 8 NĂM 2012 CỦA ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI VỀ TRANG PHỤC ĐỐI VỚI CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC NGÀNH KIỂM SÁT VÀ GIẤY CHỨNG MINH KIỂM SÁT VIÊN

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân số 63/2014/QH13;

Căn cứ Nghị quyết số 82/2014/QH13 ngày 24/11/2014 của Quốc hội về việc thi hành Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân;

Xét đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1.

1. Bổ sung Bảng phụ cấp chức vụ đối với các chức danh lãnh đạo của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao vào mục I Bảng phụ cấp chức vụ đối với cán bộ lãnh đạo của Nhà nước và đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách ban hành kèm theo Nghị quyết số 730/2004/NQ-UBTVQH ngày 30/9/2004 của Ủy ban thường vụ Quốc hội như sau:

STT	Chức danh	Hệ số
10	Các chức danh lãnh đạo thuộc Viện kiểm sát nhân dân cấp cao	
	a/ Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao	1,20

	b/ Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao	1,00
	c/ Viện trưởng Viện nghiệp vụ thuộc Viện kiểm sát nhân dân cấp cao	0,90
	d/ Chánh Văn phòng và cấp trưởng các đơn vị tương đương thuộc Viện kiểm sát nhân dân cấp cao	0,85
	đ/ Phó Viện trưởng Viện nghiệp vụ thuộc Viện kiểm sát nhân dân cấp cao	0,70
	e/ Phó Chánh Văn phòng và cấp phó các đơn vị tương đương thuộc Viện kiểm sát nhân dân cấp cao	0,65
	g/ Trưởng phòng thuộc Viện nghiệp vụ thuộc Viện kiểm sát nhân dân cấp cao	0,55
	h/ Trưởng phòng và tương đương thuộc Văn phòng và các đơn vị tương đương thuộc Viện kiểm sát nhân dân cấp cao	0,50
	i/ Phó Trưởng phòng thuộc Viện nghiệp vụ thuộc Viện kiểm sát nhân dân cấp cao	0,45
	k/ Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Văn phòng và các đơn vị tương đương thuộc Viện kiểm sát nhân dân cấp cao	0,40

2. Bổ sung Bảng phụ cấp chức vụ đối với các chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng của Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện vào mục III Bảng phụ cấp chức vụ đối với cán bộ lãnh đạo của Nhà nước và đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách ban hành kèm theo Nghị quyết số 730/2004/NQ-UBTVQH ngày 30/9/2004 của Ủy ban thường vụ Quốc hội như sau:

STT	**Chức danh**	**Hệ số**		
7	Các chức danh lãnh đạo thuộc Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện			
		Thành phố thuộc tỉnh là đô thị loại I, loại II	Thành phố thuộc tỉnh là đô thị loại III, quận thuộc Hà Nội, quận thuộc Thành phố Hồ Chí Minh	Huyện, thị xã và các quận còn lại
	c/ Trưởng phòng	0,40	0,35	0,30
	d/ Phó Trưởng phòng	0,30	0,25	0,20

3. Bổ sung chức danh Kiểm sát viên cao cấp vào đối tượng áp dụng Bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ ngành Tòa án, ngành Kiểm sát và thuộc Nhóm chức danh Loại A3.

Điều 2.

Sửa đổi, bổ sung một số điều của của Nghị quyết số 522b/NQ-UBTVQH13 ngày 16/8/2012 của Ủy ban thường vụ Quốc hội cho phù hợp với tổ chức Viện kiểm sát nhân dân 04 cấp.

1. Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 5.

1. Cấp hiệu gắn trên vai áo của Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân các cấp và Kiểm sát viên, Điều tra viên, ***Kiểm tra viên*** có hình ngũ giác, nền màu đỏ tươi, có tạo hoa văn; chiều dài 130 mm, phần đuôi rộng 50 mm, phần đầu rộng 40 mm, có viền màu vàng rộng 5 mm ở hai cạnh dọc và đầu vát nhọn; phần đầu vát nhọn được gắn chốt bằng kim loại có hình phù hiệu ***Viện kiểm sát nhân dân*** đường kính 15 mm.

2. Cấp hiệu của Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân các cấp và Kiểm sát viên, Điều tra viên, ***Kiểm tra viên***, cụ thể như sau:

- Cấp hiệu của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao không có vạch, ở giữa có gắn hình Quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam màu vàng, đường kính 25 mm.

- Cấp hiệu của Phó viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao không có vạch, ở giữa có gắn ba ngôi sao màu vàng, đường kính 24 mm.

- Cấp hiệu của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao không có vạch, ở giữa có gắn hai ngôi sao màu vàng, đường kính 22 mm.

- Cấp hiệu của Phó viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Kiểm sát viên cao cấp và Điều tra viên cao cấp không có vạch, ở giữa có gắn một ngôi sao màu vàng, đường kính 22 mm.

- Cấp hiệu của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Phó viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, ***Kiểm tra viên cao cấp*** có hai vạch dọc màu vàng, ở giữa có gắn bốn ngôi sao màu vàng đường kính 20 mm.

- Cấp hiệu của Kiểm sát viên trung cấp, Điều tra viên trung cấp, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện có hai vạch dọc màu vàng, ở giữa có gắn ba ngôi sao màu vàng đường kính 20 mm.

- Cấp hiệu của Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện, ***Kiểm tra viên chính*** có hai vạch dọc màu vàng, ở giữa có gắn hai ngôi sao màu vàng đường kính 20 mm.

- Cấp hiệu của Kiểm sát viên sơ cấp, Điều tra viên sơ cấp có hai vạch dọc màu vàng, ở giữa có gắn một ngôi sao màu vàng đường kính 20 mm.

- Cấp hiệu của Kiểm tra viên có một vạch dọc màu vàng, ở giữa có gắn ba ngôi sao màu vàng đường kính 20 mm".

2. Thay cụm từ "Phù hiệu ngành Kiểm sát" tại khoản 2 Điều 1 và khoản 2 Điều 7 bằng cụm từ "***Phù hiệu Viện kiểm sát nhân dân***".

3. Bãi bỏ các Điều 2, 3, 6 và khoản 1 Điều 7.

Điều 3.

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ký.

2. Chính phủ, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và các cơ quan hữu quan hướng dẫn thi hành Nghị quyết này./.

Hà Nội, ngày 14 tháng 7 năm 2015
TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
CHỦ TỊCH

Nguyễn Sinh Hùng